CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

Ngày 30/09/2025	13,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.3%	**31.4%**	**18.5%**

DT thuần
Q3/25
672
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 497| 284%
YoY: ▲ 483| 255%

LN thuần
Q3/25
304
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 195| 178%
YoY: ▲ 197| 184%

LN sau thuế
Q3/25
254
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 157| 161%
YoY: ▲ 167| 194%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
46.0%
YoY: +/-▼ 23.1%

ROE (TTM)
Q3/25
10.7%
YoY: +/-▲ 3.3%

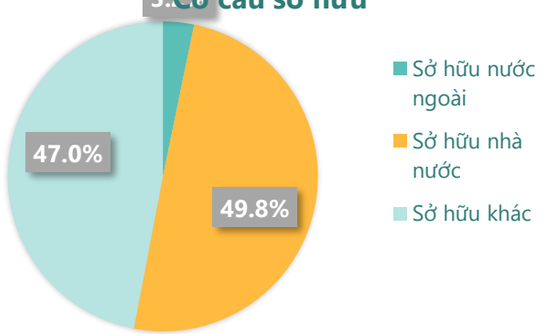
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,674 - 14,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,499
Số lượng CPLH (CP)	629,580,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,065,720
Sở hữu nước ngoài	3.2%
Beta	1.07
EPS	879
P/E	15.4

DT thuần
9T 2025
997
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 283| 39.5%

LN thuần
9T 2025
469
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 223| 90.4%

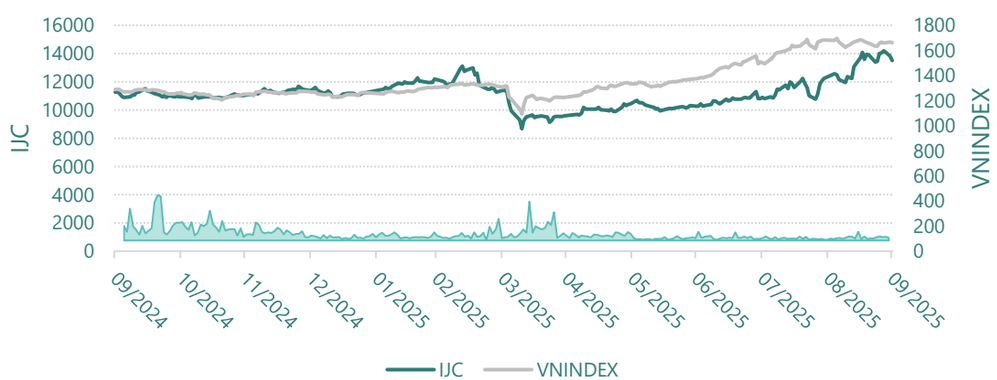
LN sau thuế
9T 2025
397
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 198| 99.3%

Cơ cấu sở hữu

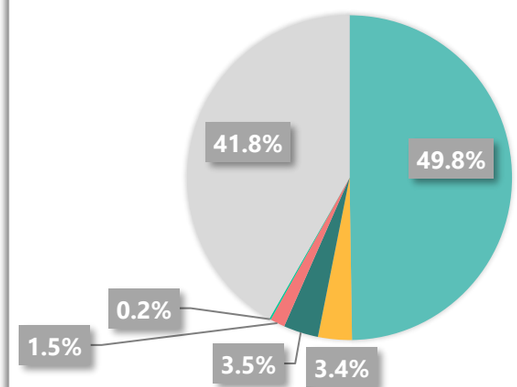


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



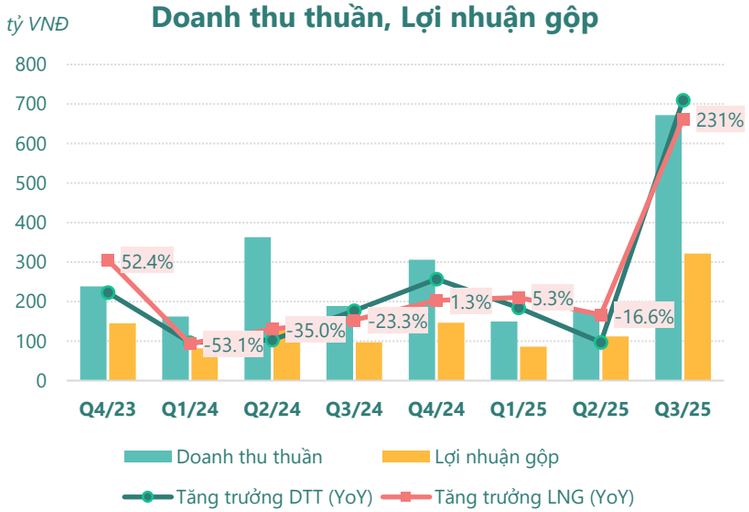
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

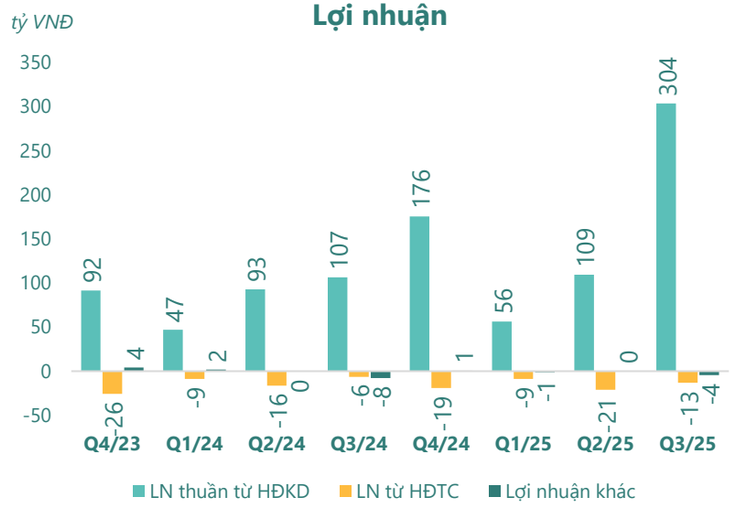
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



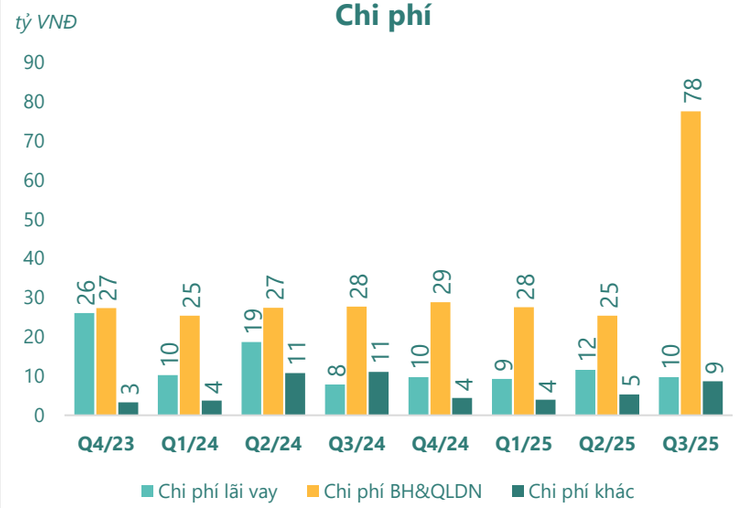
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



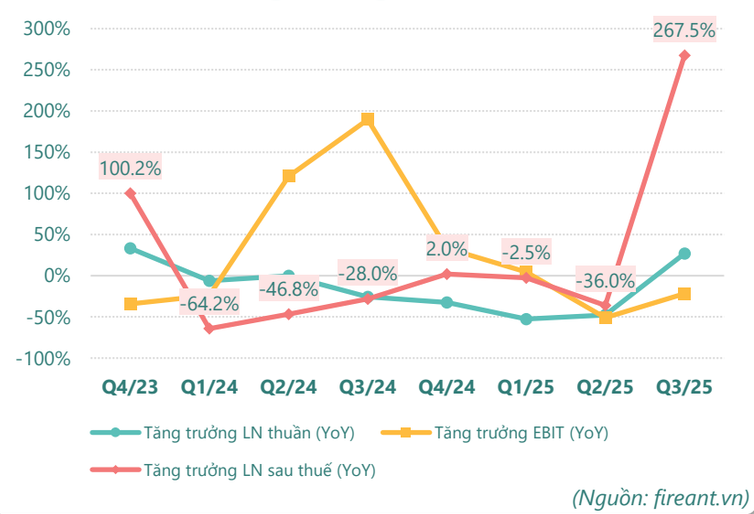
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



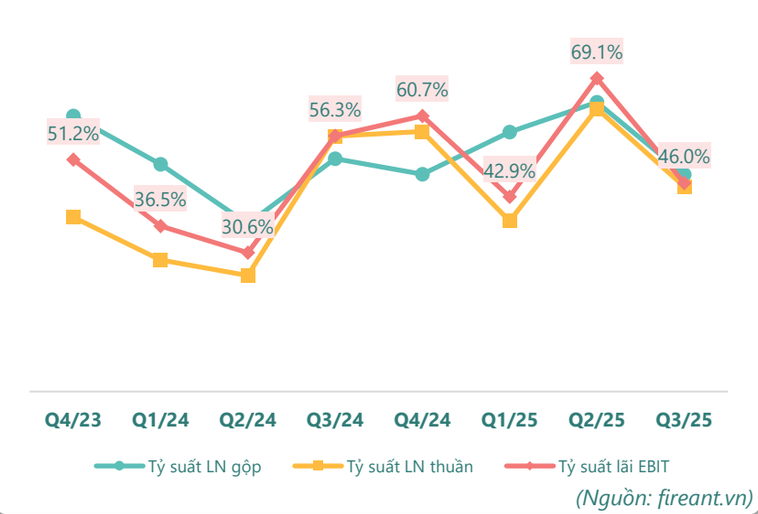
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



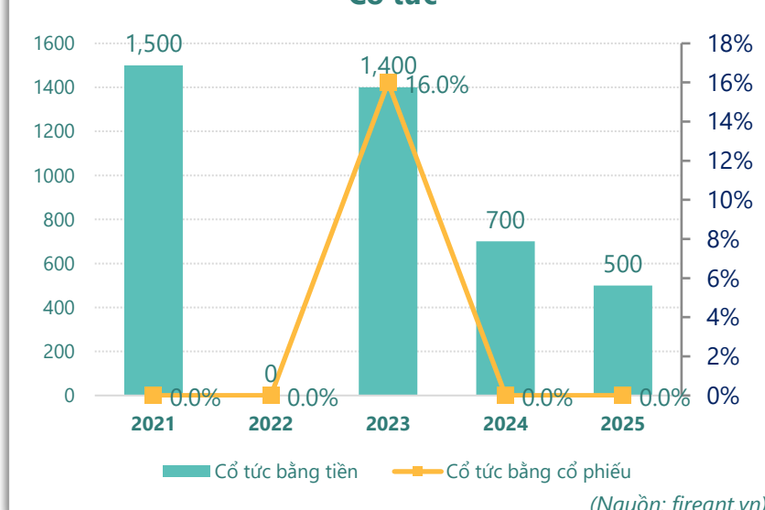
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

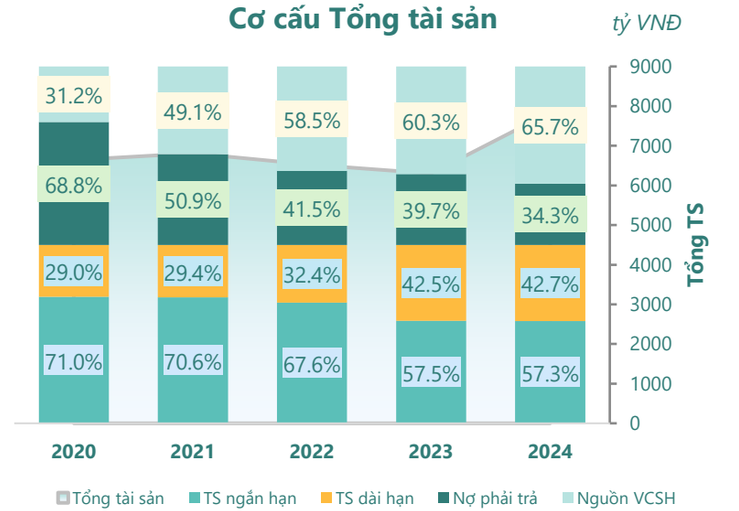
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

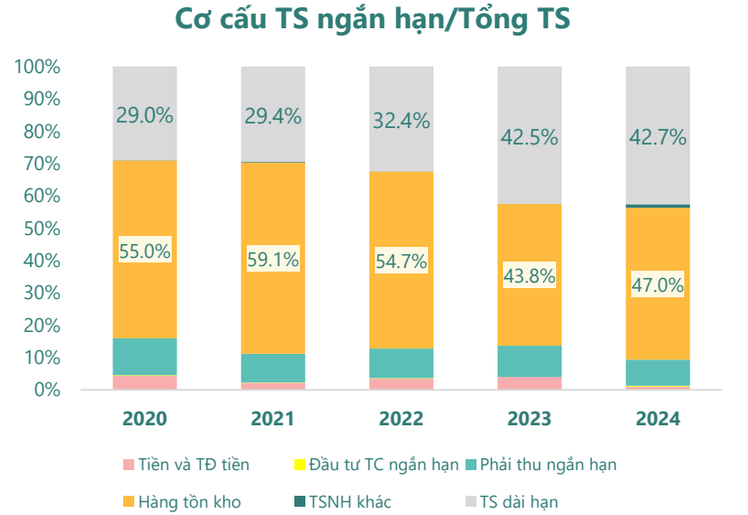
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



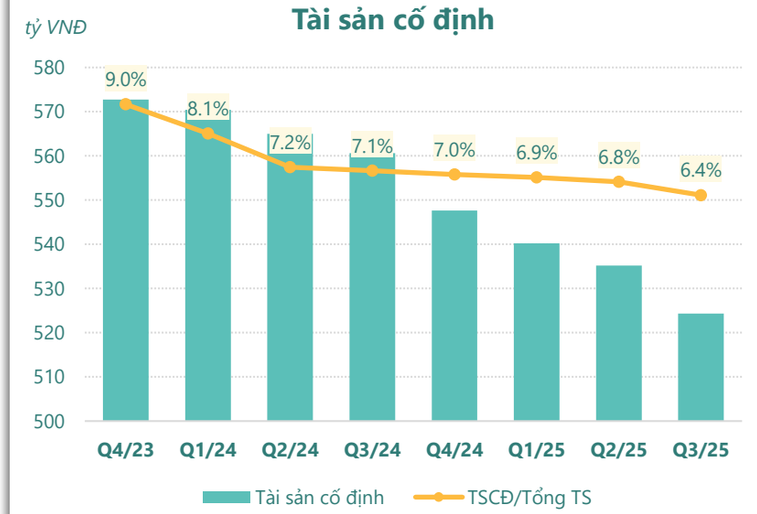
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



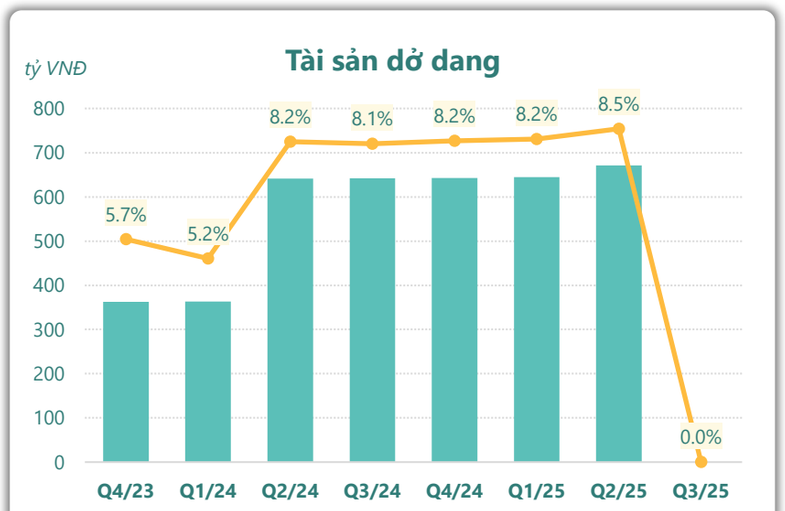
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



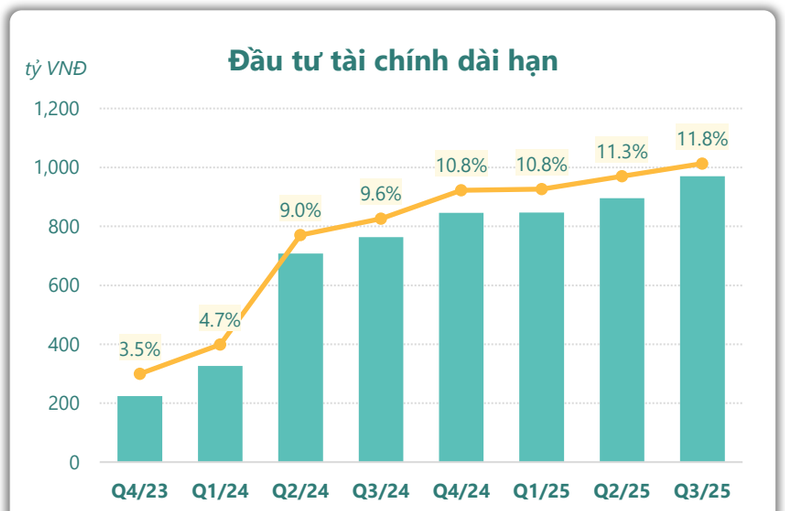
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



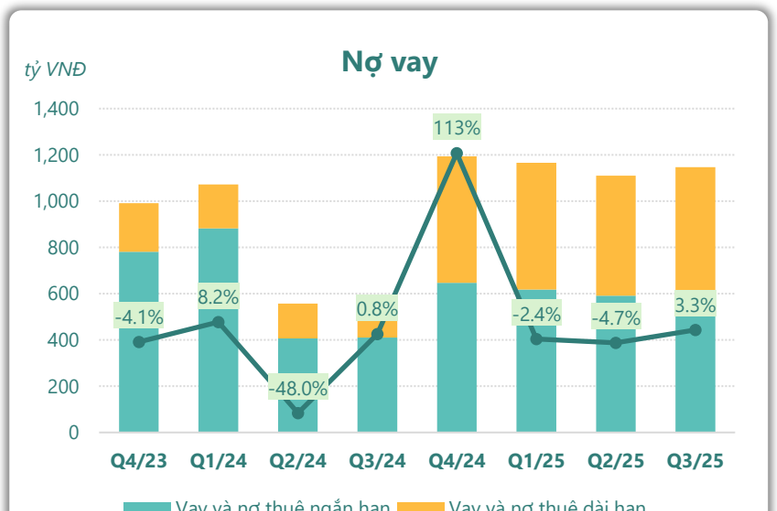
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

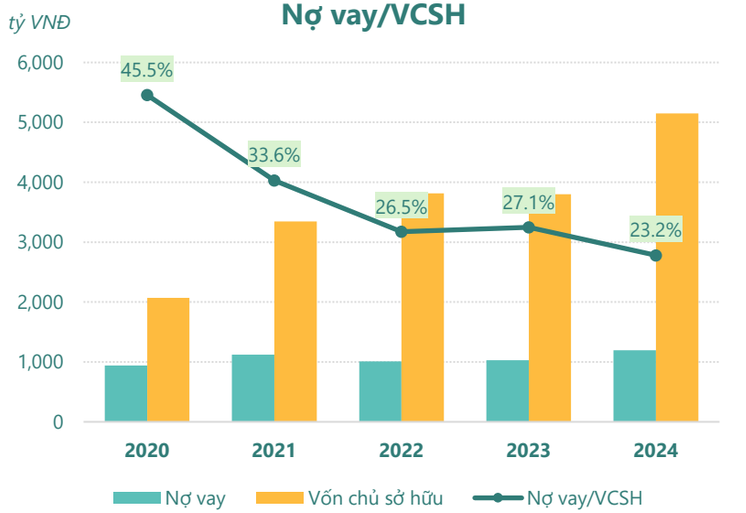
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

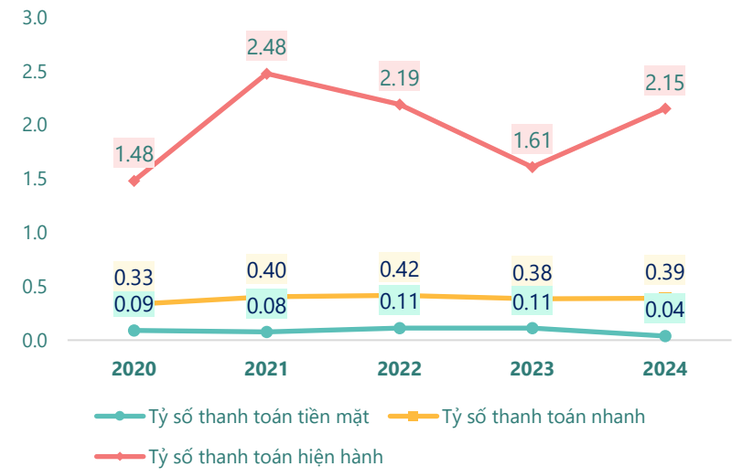
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



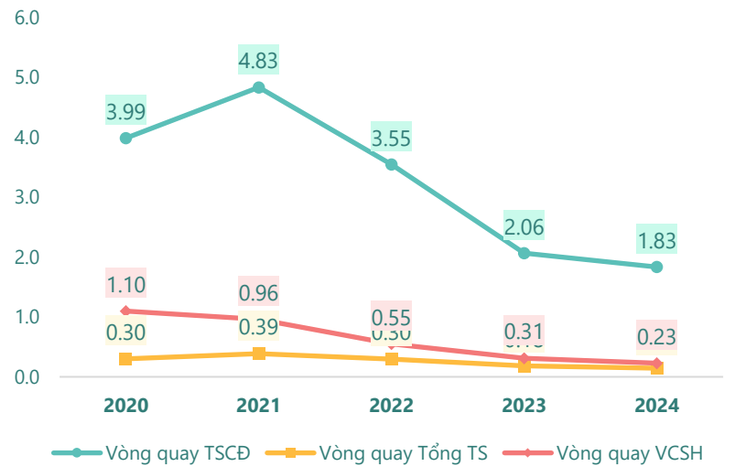
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



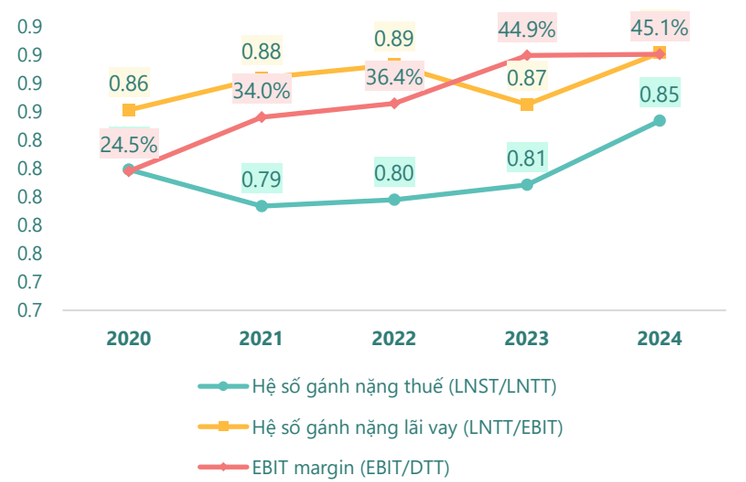
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



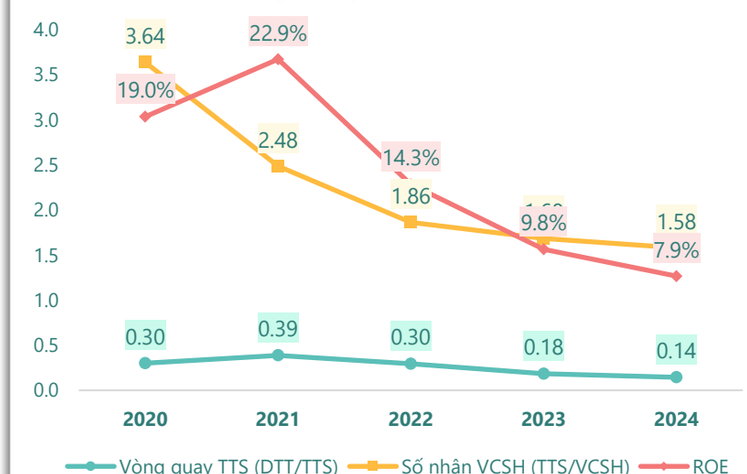
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



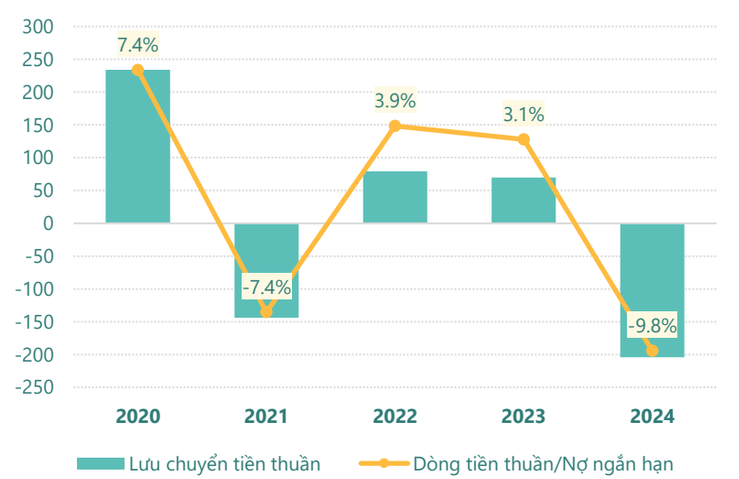
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**672**	**189**	**255%**	**997**	**714**	**39.5%**
Giá vốn hàng bán	350	92.1	280%	478	402	18.9%
Lợi nhuận gộp	321	97.1	231%	519	313	66.0%
Doanh thu HĐTC	2.14	1.34	59.7%	4.22	3.12	35.3%
Chi phí TC	15.4	7.70	99.6%	47.3	34.6	36.6%
Chi phí lãi vay	9.76	7.85	24.3%	30.6	36.7	-16.7%
LN trong công ty LKLD	**72.9**	**43.5**	**67.6%**	**124**	**46.0**	**170%**
Chi phí bán hàng	58.7	9.92	492%	76.1	28.1	170%
Chi phí QLDN	**18.9**	**17.8**	**6.1%**	**54.5**	**52.4**	**4.0%**
LN thuần từ HĐKD	304	107	184%	469	246	90.4%
Lợi nhuận khác	**-4.49**	**-7.77**	**42.3%**	**-5.62**	**-6.33**	**11.2%**
LN trước thuế	299	98.8	203%	464	240	93.1%
Lợi nhuận sau thuế	**254**	**86.6**	**194%**	**397**	**199**	**99.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**254**	**86.6**	**194%**	**397**	**199**	**99.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-430	65.2	-608	41.8	95.6	134
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-381	-43.7	21.5	-11.2	-8.35	-35.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	117	-1.35	505	-18.7	-65.6	31.2
Tiền đầu kỳ	836	142	162	79.9	91.9	114
Lưu chuyển tiền thuần	**-694**	**20.1**	**-82.0**	**11.9**	**21.6**	**129**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.03	-0.03
Tiền cuối kỳ	142	162	79.9	91.9	114	243

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,206**	**7,843**	**4.6%**
Tài sản ngắn hạn	5,087	4,498	13.1%
Tiền và tương đương tiền	243	79.9	204%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.3	16.3	-12.6%
Phải thu ngắn hạn	642	636	0.9%
Hàng tồn kho	4,180	3,683	13.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.05	82.6	-90.2%
Tài sản dài hạn	**3,120**	**3,345**	**-6.7%**
Phải thu dài hạn	1,097	774	41.8%
Tài sản cố định	524	548	-4.3%
Bất động sản đầu tư	507	515	-1.5%
Tài sản dở dang	0	643	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	970	835	16.2%
Tài sản dài hạn khác	**21.2**	**31.4**	**-32.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,840	2,691	5.5%
Nợ ngắn hạn	**2,163**	**2,089**	**3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	543	647	-16.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	622	697	-10.7%
Nợ dài hạn	676	602	12.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	604	547	10.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,367**	**5,151**	**4.2%**
Vốn chủ sở hữu	**5,367**	**5,151**	**4.2%**
Vốn điều lệ	3,777	3,777	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)